TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Chính

Ông Lã Anh Tuấn

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố H.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Đô – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố H, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 296/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Y, địa chỉ: Tổ V 2, phường T, quận K, thành phố H; (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Bùi Huy H, nơi cư trú cuối cùng: Tổ V 2, phường T, quận K, thành phố H*;* (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2022 và các biên bản ghi lời khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị Y trình bày: Chị Phạm Thị Y và Bùi Huy H kết hôn ngày 24/12/2001 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố H. Trước khi kết hôn chị Y và anh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn chị Y và anh H thuê nhà sinh sống một thời gian thì mua đất, xây nhà cấp 4 cạnh nhà mẹ đẻ chị Y, tại Tổ V 2, phường T, quận K, thành phố H. Chung sống được khoảng 10 năm (chị Y không nhớ chính xác là năm nào) thì vợ chồng mâu

thuẫn, đánh cãi nhau thường xuyên, vợ chồng đã bán nhà được 50 triệu đồng, anh H đã cầm khoản tiền này cùng với con là Bùi Huy K đi làm ăn, còn chị Y và con Bùi Thị Yến N, Bùi Huy P ở nhờ nhà mẹ đẻ chị Y tại Tổ V 2, phường T, quận K, thành phố H. Anh H thỉnh thoảng có gọi điện về nói chuyện với các con, khi anh H gọi điện về thì cháu K cũng nói chuyện với chị Y và chị, em ở nhà. Hiện nay bố mẹ anh H đã chết, anh chị em của anh H thì mỗi người sống một nơi, thỉnh thoảng anh H có về phường T nhưng anh H không về nơi chị Y ở mà về nhà chị gái của anh H là Bùi Thị Thu H, hiện nay đang sống tại Tổ K, phường T, quận K, thành phố H; anh H ở đó chơi rồi lại đi. Hiện nay tôi không biết địa chỉ cụ thể của anh H, chỉ biết anh H đang làm ăn ở trong Nam. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đã sống ly thân nhiều năm nay, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, chị Y đề nghị Tòa án nhân dân quận K giải quyết cho chị Y được ly hôn anh H. Về con chung: Chị Phạm Thị Y và anh Bùi Huy H có 03 con chung là Bùi Thị Tuyết N, sinh ngày 02/12/2001, Bùi Huy K, sinh ngày 29/3/2005 và Bùi Huy P, sinh ngày 20/6/2013. Khi chị Y và anh H sống ly thân thì con chung là Bùi Thị Tuyết N và Bùi Huy P ở cùng chị Y tại Tổ H, phường T, quận K, thành phố H, còn con chung là Bùi Huy K cùng anh H đi làm ăn, sinh sống ở nơi khác. Nay ly hôn con chung là Bùi Thị Tuyết N và Bùi Huy K đã trên 18 tuổi nên chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng; chị Y đề nghị giao con chung là Bùi Huy P cho chị Y được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn.

Theo bản trình bày ngày 25/11/2022 của cháu Bùi Huy P thể hiện: Khi cháu lớn lên bố mẹ cháu đã không chung sống với nhau nữa rồi, thỉnh thoảng bố cháu có gọi điện về hỏi thăm cháu còn không về thăm cháu lần nào. Cháu ở cùng mẹ từ nhỏ, nay nguyện vọng của cháu là được tiếp tục ở cùng mẹ là Phạm Thị Y.

Theo lời trình bày của cháu Bùi Thị Tuyết N là con của chị Phạm Thị Y và anh Bùi Huy H cung cấp: Trong quá trình chung sống do không hợp nhau nên bố mẹ cháu thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung luôn căng thẳng, mệt mỏi. Bố mẹ cháu không con chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay. Sau khi bố mẹ cháu không chung sống với nhau, bố cháu và em là Bùi Huy K đã vào trong Nam làm ăn, sinh sống, thỉnh thoảng có gọi điện về hỏi thăm mọi người, cháu không biết địa chỉ của bố cháu và em cháu đang ở đâu. Bố mẹ cháu đã không chung sống với nhau 10 năm nay, bố mẹ cháu không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, việc mẹ cháu có đơn xin ly hôn, cháu không có ý kiến gì, tùy mẹ cháu quyết định. Về việc nuôi dưỡng con khi bố mẹ cháu ly hôn: Hiện nay cháu đã trên 18 tuổi, tự lập được cuộc sống nên không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng khi bố mẹ cháu ly hôn. Về tài sản chung: Cháu không nắm được tài sản chung của bố mẹ cháu, cháu không đóng góp gì vào khối tài sản chung của bố mẹ cháu nên cháu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Hoàng Thị D là mẹ đẻ của chị Trần Thị Y trình bày: Chị Phạm Thị Y và anh Bùi Huy H có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp

luật. Sau khi kết hôn cháu Y và cháu H có chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tích cách không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, hiện nay anh H đã bỏ đi làm ăn xa, vợ chồng không ở cùng nhau, thỉnh thoảng anh H mới về địa phương. Nay chị Y có đơn xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị Y và anh H có 03 con chung là Bùi Thị Tuyết N, sinh ngày 02/12/2001, Bùi Huy K, sinh ngày 29/3/2005 và Bùi Huy P, sinh ngày 20/6/2013. Bà D không nắm được tài sản chung của chị Y và anh H.

Chị Bùi Thị Thu H là chị gái của anh H trình bày: Sau khi kết hôn anh H và chị Y có mua 1 mảnh đất của mẹ đẻ chị Y ở Tổ V 2, phường T, quận K, H và xây nhà ở một thời gian thì vợ chồng mâu thuẫn, nợ nần rồi đã bán nhà đi trả nợ. Sau đó chị Y và con ở nhờ nhà mẹ đẻ chị Y còn anh H cùng một con đi làm ăn từ đó đến nay. Thỉnh thoảng anh H, cháu K có gọi điện thoại về, vào ngày giỗ, tết có về nhà tôi vài ngày rồi lại đi, nhưng không cho biết địa chỉ. Việc chị Y xin ly hôn anh H tôi đã nhận Thông báo thụ lý vụ án của Tòa và đã báo cho anh H biết.

Tổ trưởng Tổ dân phố V 2, phường T, quận K, thành phố H cung cấp: Chị Phạm Thị Y và anh Bùi Huy H có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên Tổ dân phố không nắm được mâu thuẫn giữa anh H và chị Y, mà chỉ biết anh H và chị Y đã không chung sống với nhau nhiều năm nay, hiện nay anh H đi làm ăn xa, ít khi có mặt tại địa phương; đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị Y và anh H theo quy định của pháp luật. Chị Y và anh H có 03 con chung là Bùi Thị Tuyết N, sinh ngày 02/12/2001, Bùi Huy K, sinh ngày 29/3/2005 và Bùi Huy P, sinh ngày 20/6/2013. Tổ dân phố không nắm được tài sản chung của chị Y và anh H.

Biên bản xác minh ngày 20/11/2022 thể hiện: Anh Bùi Huy H, sinh năm 1974 (Có vợ là Phạm Thị Y, sinh năm 1980) hiện nay không đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại phường T, quận K, thành phố H. Do anh H đã chuyển nơi ở, không còn cư trú tại phường T từ lâu nên anh H đã bị xóa đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường T, quận K, thành phố H theo quy định.

Theo Công văn số 2941/QL-XNC-P5, ngày 16/02/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cung cấp: Bùi Huy H, sinh ngày 20/6/1974 (Quê quán: Xã L, huyện A, thành phố H; nơi ĐKHKTT: Tổ V 2, phường T, quận K, thành phố H) không có thông tin cấp hộ chiếu, xuất nhập cảnh tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Theo số hộ khẩu nguyên đơn cung cấp thể hiện nơi cư trú của anh Bùi Huy H là Tổ V 2, phường T, quận K, thành phố H, ngoài ra không có tài liệu nào khác chứng minh nơi cư trú mới của anh H, Do vậy Tòa án xác định nơi cư trú cuối cùng của anh Bùi Huy H là Tổ V 2, phường T, quận K, thành phố H; do anh H đã vắng mặt tại nơi cư trú nhiều năm nay, nên Tòa án đã làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, yêu cầu anh Bùi Huy H về Tòa án nhân dân quận K để giải quyết việc ly hôn giữa chị Phạm Thị Y và anh Bùi Huy H nhưng hết thời

gian thông báo, anh H không đến Tòa án nhân dân quận K làm việc như đã thông báo nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh H, không tiến hành hòa giải được và anh H cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ra Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về cơ bản đã thực hiện đúng trình tự tố tụng; nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Y được ly hôn anh H; về con chung: Giao con chung là Bùi Huy P, sinh ngày 20/6/2013 cho chị Y được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung: Không xem xét giải quyết; về án phí: Chị Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 11 tháng 10 năm 2022 chị Phạm Thị Y nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận K, chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Huy H; anh Bùi Huy H là bị đơn, được xác định nơi cư trú cuối cùng tại Tổ V 2, phường T, quận K, thành phố H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến.

[2] Về tố tụng: Do bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân quận K đã tiến hành làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự và yêu cầu anh Bùi Huy H về Tòa án nhân dân quận K để giải quyết việc chị Phạm Thị Y xin ly hôn anh Bùi Huy H, nhưng hết thời gian ấn định anh H vẫn không có mặt theo nội dung thông báo của Tòa án, Tòa án nhân dân quận K đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Bùi Huy H vẫn vắng mặt, chị Phạm Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Y và anh Bùi Huy H.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị Y và anh Bùi Huy H có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, quận K, thành phố H, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2001 ngày 24/12/2001. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp

luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Trong quá trình chung sống chị Phạm Thị Y và anh Bùi Huy H đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống với nhau nhiều năm nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được; tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Phạm Thị Y được ly hôn anh Bùi Huy H. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Y và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Phạm Thị Y và anh Bùi Huy H có 03 con chung là Bùi Thị Tuyết N, sinh ngày 02/12/2001, Bùi Huy K, sinh ngày 29/3/2005 và Bùi Huy P, sinh ngày 20/6/2013. Hiện nay con chung là Bùi Thị Tuyết N và Bùi Huy K đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không giải quyết về việc nuôi dưỡng khi chị Y và anh H ly hôn. Đối với con chung là Bùi Huy P, chị Y là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ nhỏ đến nay, cháu Phúc đã ở ổn định với chị Y nên tiếp tục giao con Bùi Huy P cho chị Y được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, đây cũng là nguyện vọng của cháu Phúc, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K và phù hợp thực tế. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Y không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị Y phải nộp án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Y:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Y và anh Bùi Huy H.

- Về con chung: Chị Phạm Thị Y và anh Bùi Huy H có 03 con chung là Bùi Thị Tuyết N, sinh ngày 02/12/2001, Bùi Huy K, sinh ngày 29/3/2005 và Bùi Huy

P, sinh ngày 20/6/2013. Giao con chung là Bùi Huy P cho chị Phạm Thị Y được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với con chung là Bùi Thị Tuyết N và Bùi Huy K đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không giải quyết về việc nuôi dưỡng khi chị Y và anh H ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xét xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Phạm Thị Y, anh Bùi Huy H có yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Y phải nộp tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị Y đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003694 ngày 11/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, Hải Phòng, chị Phạm Thị Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Y, anh Bùi Huy H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Hoàng Thị Chính Lã Anh Tuấn	**Nguyễn Thị Lan Hương**

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường T, quận K, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Lan Hương